

TÁC ĐỘNG CỦA THỰC HIỆN QUYỀN THAM GIA Ở TRƯỜNG HỌC ĐẾN CẢM NHẬN HẠNH PHÚC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Thị Hồng

Cục Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Nghiên cứu đã phân tích tác động của thực hiện quyền tham gia của học sinh trung học cơ sở ở trường học với cảm nhận hạnh phúc của các em. Thiết kế điều tra chọn mẫu một lần theo lát cắt ngang, được tiến hành trên 881 học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội. Bảng hỏi gồm Bảng kiểm các hành vi thực hiện quyền tham gia ở trường học, hạnh phúc ở trường, thang Trải nghiệm cảm xúc tích cực và tiêu cực (SPANE), thang HÀi lòng cuộc sống và các yếu tố trường học. Mười mô hình hồi quy đơn và bội được xây dựng để kiểm chứng vai trò của thực hiện quyền tham gia của trẻ ở trường với cảm nhận hạnh phúc khi không và có bị kiểm soát bởi các yếu tố trường học. Kết quả cho thấy: thực hiện quyền tham gia ở trường học có khả năng dự báo cho cảm nhận hạnh phúc ở trường học và cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống nhưng với biên độ nhỏ. Khả năng tác động của thực hiện quyền tham gia ở trường học đến cảm nhận hạnh phúc khi đến trường được khẳng định ngay cả khi bị kiểm soát bởi các biến số trường học (yếu tố cá nhân, học tập, bạn bè, thầy cô). Thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể tác động đến hạnh phúc trong cuộc sống nhưng không ổn định trong các mô hình với các biến kiểm soát khác nhau. Ý nghĩa của kết quả nghiên cứu đã được bàn luận trong bài viết này.

Từ khóa: Cảm nhận hạnh phúc ở trường; Hạnh phúc trong cuộc sống; Thực hiện quyền tham gia.

Ngày nhận bài: 21/4/2021; Ngày duyệt đăng bài: 25/5/2021.

1. Mở đầu

Quyền tham gia của trẻ em là một trong bốn nhóm quyền của trẻ em được quy định tại các văn bản pháp luật như Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em đã được Việt Nam phê chuẩn năm 1990, Luật Trẻ em đã được

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2016. Tại trường học, thực hiện quyền tham gia của trẻ em là những hành động, hành vi hiện thực hóa các quy định đó trong đời sống học đường của trẻ em. Dựa vào Khoản 1 và Khoản 2, Điều 74 Luật Trẻ em (Quốc hội, 2016), quyền tham gia của trẻ em ở trường học được cụ thể hóa bằng các hoạt động liên quan đến trẻ ở trường như: (1) Được cung cấp thông tin; (2) Được tham gia thực hiện; (3) Được đóng góp ý kiến; (4) Được quyết định và (5) Được phản hồi các ý kiến đã đóng góp trong các hoạt động liên quan đến trẻ em ở trường. Theo De Róiste và cộng sự (2012), thực hiện quyền trẻ em là đề cao tiếng nói của trẻ trong các lĩnh vực có liên quan đến chúng và hệ thống giáo dục rất có tiềm năng để lắng nghe tiếng nói của học sinh. Chính vì thế, hệ thống trường học chính là nơi trẻ em được hiện thực hóa quyền tham gia của mình. Thậm chí, ở Anh và xứ Wales hiện nay, việc xem xét quan điểm của trẻ em được thể chế hóa, là nghĩa vụ pháp lý đối với các trường học (Children's Rights Alliance for England, 2009). Sự tham gia của trẻ em được coi là hiển nhiên trong những cải cách ở trường học (Levin, 2000) ở Anh (Fielding, 2001) và ở Mỹ (Mittra, 2004).

Việc trẻ em được thực hiện quyền tham gia của mình ở trường học, được lắng nghe và được phản hồi những gì mà các em trải nghiệm với tư cách là người học có thể dẫn đến những kết quả tích cực như trẻ em có thành tích tốt hơn ở trường (Hannam, 2001; De Róiste và cộng sự, 2012), có những phát triển tích cực hơn trong lớp học (Flutter, 2007), tác động tích cực đến sức khỏe (De Róiste và cộng sự, 2012; John-Akinola và Nic-Gabhainn, 2014), cải thiện môi trường học đường và các mối quan hệ (John-Akinola và Nic-Gabhainn, 2014). Gần đây, nghiên cứu tổng quan của Jourdan và các cộng sự (2016) cho thấy sự tham gia của trẻ ở trường có tác động tích cực đến kiến thức, chuẩn mực xã hội, tư duy phản biện và hành vi sức khỏe của trẻ.

Một số nghiên cứu cũng chỉ ra tác động tích cực của thực hiện quyền tham gia ở trường học đến trạng thái cảm xúc của trẻ ở trường cũng như trong cuộc sống nói chung. Ví dụ, việc thực hiện quyền tham gia của trẻ ở trường học có thể nâng cao sự hài lòng trường học, yêu thích trường học (Samdal và cộng sự, 1998; De Róiste và cộng sự, 2012), mức độ hài lòng trong cuộc sống cao hơn và mức độ hạnh phúc cao hơn (De Róiste và cộng sự, 2012; John-Akinola và Nic-Gabhainn, 2014).

Tại Việt Nam, những nghiên cứu về tác động của thực hiện quyền tham gia ở trường học đến cảm nhận hạnh phúc của trẻ em còn hạn chế. Một số nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ của các yếu tố trường học đến cảm nhận hạnh phúc của trẻ, trong đó sự tham gia của trẻ không được đo trực tiếp mà ẩn hoặc lẫn trong các yếu tố trường học (Phan Thị Mai Hương và cộng sự, 2017; Trương Thị Khánh Hà và cộng sự, 2017; Phan Thị Mai Hương và cộng sự,

2018). Trong bối cảnh quyền trẻ em ngày càng được quan tâm, các hoạt động thúc đẩy tiếng nói của trẻ em trong các lĩnh vực liên quan đến trẻ em được mở rộng trong xã hội, đồng thời, cảm nhận hạnh phúc của trẻ em thu hút sự chú ý của dư luận cũng như chính sách thì nghiên cứu về mối quan hệ giữa hai vấn đề này được đặt ra. Trả lời cho câu hỏi: “Trẻ em có thực sự cảm thấy hạnh phúc khi được thực hiện quyền tham gia của mình ở trường học hay không?” sẽ có ý nghĩa thực tiễn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 881 học sinh trung học cơ sở tại Hà Nội, trong đó, tỷ lệ nữ là 41%, nam - 59%; tỷ lệ học sinh ở khối lớp 6 là 14,6%, khối lớp 7 - 16,8%, khối lớp 8 - 25,8% và khối lớp 9 - 42,8 %. Học sinh được mời tham gia nghiên cứu từ hai nguồn. Thứ nhất là khảo sát trực tiếp tại hai trường học, một trường ven đô, một trường nội đô. Thứ hai là khảo sát trực tuyến qua biểu mẫu Google. Thu thập dữ liệu trực tuyến được thực hiện trong khoảng thời gian học sinh không đến trường học vì đại dịch COVID-19 (tháng 2 - 4/2020) với sự trợ giúp của các giáo viên từ nhiều trường khác nhau.

2.2. Công cụ thu thập dữ liệu

(1) Thang đo *Hạnh phúc ở trường học* (Huebner, 1994) là một tiểu thang trong thang đo đa diện về hài lòng với cuộc sống của trẻ em và thanh thiếu niên. Thang gồm 7 mệnh đề (item) phản ánh cảm nhận hạnh phúc ở trường học của trẻ, ví dụ: “Em mong được đến trường”; “Trường học thật thú vị”. Thang đánh giá gồm 6 mức độ, mức 1: “Hoàn toàn không đồng ý” đến mức 6: “Hoàn toàn đồng ý”. Độ tin cậy Alpha của Cronbach của thang đo là 0,82. Phân tích nhân tố khám phá, phương pháp trích thành phần chính (Principal components) cho thấy thang đo chỉ gồm một chiều cạnh duy nhất, giải thích được 67,7% sự biến thiên của bộ dữ liệu và các item có hệ số tải nhân tố dao động trong khoảng từ 0,40 đến 0,86. Thang đo đảm bảo chất lượng trong đo lường.

(2) Thang đo *Trải nghiệm cảm xúc tích cực và tiêu cực (SPANE)* của Diener và cộng sự (2010). Thang gồm 12 mệnh đề, trong đó có 6 item về các cảm xúc tích cực và 6 item về các cảm xúc tiêu cực. Thang Likert 5 bậc được áp dụng, với mức độ 1: “Không khi nào” hoặc “Rất hiếm khi” đến mức độ 5: “Luôn luôn” hoặc “Rất thường xuyên”. Độ tin cậy của tiểu thang Cảm xúc tích cực, Cảm xúc tiêu cực tương ứng là 0,85 và 0,84.

(3) Thang đo *Hài lòng với cuộc sống* gồm 10 mệnh đề về sự hài lòng với 10 khía cạnh khác nhau trong cuộc sống của trẻ (trường học, gia đình, quan hệ bạn bè, thầy cô, sức khỏe, học tập...). Thang điểm từ 0 - 10 được sử dụng để

đánh giá mức độ hài lòng của trẻ ở từng mặt, trong đó 0 điểm là không hài lòng, 10 điểm là rất hài lòng. Độ tin cậy của thang Hài lòng với cuộc sống là 0,94.

(4) Bảng kê *Thực hiện quyền tham gia ở trường học* gồm 23 mệnh đề phản ánh 5 lĩnh vực trẻ có quyền tham gia ở trường học, như được cung cấp thông tin (4 item), được tham gia thực hiện (4 item), được tham gia đóng góp ý kiến (9 item), được quyết định (5 item) và được phản hồi các ý kiến (1 item). Thang điểm nhị phân 1 - 0 (có - không) được sử dụng, trong đó “có” = 1 điểm và “không” = 0 điểm, phản ánh trẻ có hay không thực hiện các hoạt động được nêu.

(5) Bảng hỏi về các yếu tố trường học và cá nhân bao gồm nội dung sau:

- Thang đo *Thái độ học tập* (5 item) tìm hiểu sự tự giác, tích cực trong học tập của học sinh, sử dụng thang đánh giá 4 bậc từ 1 điểm - “thờ ơ, không muốn học” đến 4 điểm - “chủ động, tự giác”.

- Thang đo *Sự công nhận* (4 item) đo lường cảm nhận về sự công nhận của bạn bè và thầy cô về giá trị của bản thân ở trường học. Thang đánh giá 4 bậc từ 1 điểm - Không đúng đến 4 điểm - Đúng hoàn toàn.

- Thang đo *Tự đánh giá* (Rosenberg, 1965) gồm 10 item đo sự tự tin về giá trị bản thân của học sinh. Thang đánh giá 4 bậc từ 1 điểm - Không đồng ý đến 4 điểm - Đồng ý hoàn toàn.

Độ tin cậy Alpha của Cronbach của 3 thang lần lượt là 0,81; 0,79 và 0,74.

Điểm các thang đo được tính bằng điểm trung bình của các item thành phần. Điểm càng cao thì thái độ học tập càng tích cực, mức độ cảm nhận mình được mọi người công nhận càng cao và càng tự tin hơn về giá trị của bản thân.

- Thang đo *Sự ủng hộ của bạn bè* (4 item) phản ánh sự ủng hộ của bạn bè về mặt tinh thần (chia sẻ tình cảm và thông tin, giúp đỡ, chỗ dựa về tinh thần). Thang đánh giá 7 bậc ứng với 1 điểm - Rất không đồng ý đến 7 điểm - Rất đồng ý. Điểm của thang là điểm trung bình của các item. Điểm càng cao có ý nghĩa là trẻ càng được bạn bè ủng hộ ở mức cao. Hệ số Alpha của Cronbach là 0,90.

- Bảng kê *Ứng xử của bạn bè* (6 item) phản ánh cách ứng xử của bạn bè ở trường học (lắng nghe, quan tâm, khích lệ...). Thang nhị phân 1 - 0 tương ứng với có - không được sử dụng.

- Bảng kê *Ứng xử của thầy cô* (12 item) phản ánh cách ứng xử của thầy cô với học sinh (lắng nghe, xin lỗi, tôn trọng, mắng...) và các hành vi khuyến khích sự tham gia của học sinh. Thang nhị phân 1 - 0 tương ứng với có - không được sử dụng.

2.3. Phân tích dữ liệu

Tạo các biến số

Biến phụ thuộc gồm hai biến là hạnh phúc ở trường và hạnh phúc trong cuộc sống.

Biến số Hạnh phúc ở trường được tính bằng điểm trung bình của các item sau khi đã đổi điểm 3 item ngược nghĩa. Điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 6. Điểm càng cao mức độ hạnh phúc ở trường càng cao.

Biến số Cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống được xây dựng từ quan điểm về hạnh phúc chủ quan của Diener (1984), về 3 thành phần riêng biệt của hạnh phúc: thường xuyên trải nghiệm các cảm xúc tích cực, không thường xuyên trải nghiệm cảm xúc tiêu cực và hài lòng với cuộc sống. Với dữ liệu từ hai thang Trải nghiệm cảm xúc tích cực và tiêu cực và Hài lòng cuộc sống thu thập được, phân tích nhân tố khám phá với phương pháp trích thành phần chính, phép xoay Varimax đã trích xuất được 3 nhân tố, giải thích được 61% bộ dữ liệu, xác nhận 3 thành phần của hạnh phúc như quan điểm của Diener.

Biến Hạnh phúc trong cuộc sống được tạo theo cách sau: Đầu tiên, từ thang SPANE, theo hướng dẫn của Diener (2010), độ chênh giữa tổng điểm tiểu thang cảm xúc tích cực và cảm xúc tiêu cực được tính toán. Điểm chênh này thấp nhất là -24 và cao nhất là +24. Điểm càng cao càng thể hiện trải nghiệm cảm xúc tích cực thường xuyên hơn, ít cảm xúc tiêu cực; điểm càng thấp, càng thể hiện trải nghiệm cảm xúc tiêu cực thường xuyên hơn, ít cảm xúc tích cực. Điểm này sau đó được chuyển đổi sang hệ điểm 0 - 10 để tương ứng với hệ điểm của thang Hài lòng cuộc sống, ý nghĩa không thay đổi. Việc chuyển đổi được thực hiện theo công thức của Giannoulis (2018):

$$Y_i = \left(\frac{X_i - \min}{\max - \min} \right) \times 10$$

Trong đó: Y_i là điểm chuyển đổi sang hệ 0 - 10 điểm của cá nhân thứ i ;

X_i là điểm thô của cá nhân thứ i ;

Max: điểm cao nhất của thang cần chuyển đổi;

Min: điểm thấp nhất của thang cần chuyển đổi.

Tiếp theo, điểm hài lòng với cuộc sống được tính bằng điểm trung bình của các item thành phần. Điểm trong khoảng từ 0 đến 10. Điểm càng cao càng thể hiện sự hài lòng cao với cuộc sống.

Cuối cùng, điểm hạnh phúc cuộc sống của trẻ được tính toán bằng điểm trung bình của điểm hài lòng cuộc sống và điểm chênh lệch cảm xúc đã được chuyển đổi. Điểm trong khoảng từ 0 đến 10. Trẻ có điểm càng cao thì càng hạnh phúc trong cuộc sống.

Biến độc lập là điểm thực hiện quyền tham gia ở trường học. Điểm này được tính bằng tổng điểm của 23 item của thang. Điểm cao nhất là 23 và thấp nhất là 0. Điểm càng cao, trẻ càng thực hiện được nhiều quyền tham gia của mình ở trường học.

Các biến kiểm soát là các yếu tố cá nhân và trường học. Chúng tham gia vào mô hình hồi quy với vai trò là các biến kiểm soát khi đánh giá tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc. Các biến kiểm soát có hai dạng: là điểm trung bình của các item thành phần trong các thang đo tương ứng và biến nhị phân 1 - 0 trong thang nhị phân.

(2) Các phép thống kê

Để xem xét vai trò dự báo của thực hiện quyền tham gia đối với cảm nhận hạnh phúc của trẻ, ngoài xây dựng hai mô hình hồi quy đơn riêng cho hai biến phụ thuộc là cảm nhận hạnh phúc trong phạm vi hẹp là trường học và phạm vi rộng là cuộc sống nói chung, chúng tôi phân tích bổ sung các mô hình hồi quy bội để đánh giá khả năng ảnh hưởng của biến độc lập lên biến phụ thuộc một cách không thiên vị khi được kiểm soát bởi các yếu tố khác, cụ thể là các yếu tố trường học trong mô hình.

Trước khi thực hiện phân tích các mô hình hồi quy bội, các kiểm định cho thấy không có sự vi phạm các mặc định thống kê của phép phân tích này, như không có hiện tượng đa cộng tuyến (hệ số phóng đại phương sai nhỏ hơn 2), không có tương quan chuỗi bậc nhất (hệ số Durbin-Watson trong khoảng từ 1,6 đến 1,8), phần dư có phân bố chuẩn và tương quan tuyến tính giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc có ý nghĩa thống kê với hệ số tương quan Pearson (r) trong khoảng từ 0,19 đến 0,49 ($p < 0,01$).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê mô tả các biến độc lập và biến phụ thuộc

Dữ liệu thống kê mô tả về các biến độc lập và phụ thuộc được thể hiện ở bảng 1 cho thấy, cả ba phân bố của ba biến số có hình dáng tiệm cận chuẩn với điểm trung bình gần với điểm trung vị, độ nghiêng trong khoảng từ -1 đến +1. Phạm vi phân bố điểm nằm trong khoảng điểm của thang đo từ nhỏ nhất đến lớn nhất. Riêng điểm hạnh phúc trong cuộc sống dao động trong khoảng 1,5 đến 9,5, tức là không có điểm cực trị nhưng cũng gần với các điểm cực trị của thang điểm. Dữ liệu cho thấy, trung bình, trẻ tham gia khoảng 13 - 14 hoạt động trong nhóm quyền tham gia ở trường học. Trong tổng số 23 hoạt động

được khảo sát, có trẻ tham gia tất cả các hoạt động nhưng có trẻ không tham gia hoạt động nào. Nhìn chung, về cơ bản, trẻ cảm thấy hạnh phúc ở trường cũng như hạnh phúc trong cuộc sống. Tỷ lệ trẻ dường như cảm thấy không hạnh phúc (dưới 5 điểm) ở trường và trong cuộc sống là 16,5% và 13% tương ứng. Số trẻ rất hạnh phúc (9 - 10 điểm) cũng chiếm tỷ lệ tương tự là khoảng 15% ở cả hai phạm vi là ở trường học và trong cuộc sống.

Bảng 1: Các tham số thống kê mô tả biến độc lập và biến phụ thuộc

| Các biến số | Điểm trung bình | Điểm trung vị | Độ lệch chuẩn | Độ nghiêng | Điểm nhỏ nhất | Điểm lớn nhất |
|---------------------------------------|-----------------|---------------|---------------|------------|---------------|---------------|
| Thực hiện quyền tham gia ở trường học | 13,54 | 13 | 4,51 | 0,079 | 0 | 23 |
| Hạnh phúc ở trường | 6,91 | 7,14 | 1,97 | -0,615 | 0 | 10 |
| Hạnh phúc trong cuộc sống | 6,66 | 7,00 | 1,39 | -0,764 | 1,50 | 9,50 |

3.2. Mô hình đơn biến dự báo của thực hiện quyền tham gia ở trường học cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

Kết quả phân tích hồi quy đơn ở mô hình 1a và 1b cho thấy các hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em tại trường học có thể tác động có ý nghĩa thống kê đến cảm nhận hạnh phúc ở trường cũng như hạnh phúc trong cuộc sống của học sinh ($p < 0,001$) và giải thích được 5,9% cho sự biến thiên của cảm nhận hạnh phúc ở trường và 5,5% cho sự biến thiên của cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống nói chung.

Bảng 2: Mô hình dự báo của thực hiện quyền tham gia ở trường học cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

| Mô hình | Biến phụ thuộc | R ² | B | t | p |
|---------|---------------------------|----------------|-------|-------|---------|
| 1a | Hạnh phúc ở trường | 0,059 | 0,053 | 7,392 | < 0,001 |
| 1b | Hạnh phúc trong cuộc sống | 0,055 | 0,043 | 7,143 | < 0,001 |

Ghi chú: R²: Hệ số xác định; B: Hệ số hồi quy của chuẩn hóa.

Như vậy, có thể thấy rằng, thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể làm cho học sinh hạnh phúc hơn, cả ở trường cũng như trong cuộc sống, nhưng với biên độ nhỏ. So sánh 2 hệ số xác định R² cho thấy thực hiện quyền tham

gia của trẻ em tại trường học tác động đến cảm nhận hạnh phúc ở trường học cao hơn nhưng không đáng kể so với cảm nhận hạnh phúc chung trong cuộc sống của học sinh.

3.3. Mô hình đa biến dự báo của thực hiện quyền tham gia ở trường học cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

3.3.1. Dự báo của thực hiện quyền tham gia, các yếu tố cá nhân và thái độ học tập cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

Các phân tích ở đây xem xét khi bị kiểm soát bởi các yếu tố cá nhân và thái độ học tập thì thực hiện quyền tham gia ở trường học có khả năng dự báo cho cảm nhận hạnh phúc ở trường và trong cuộc sống hay không.

Kết quả mô hình 2a cho thấy, thực hiện quyền tham gia ở trường học khi bị kiểm soát bởi các yếu tố cá nhân và thái độ học tập có khả năng tác động có ý nghĩa thống kê đến cảm nhận hạnh phúc ở trường học. Tuy nhiên, so với các biến số cá nhân trong mô hình thì vai trò của yếu tố này là yếu nhất ($\text{Beta} = 0,088$; $p = 0,012$). Yếu tố có tác động mạnh nhất trong mô hình là thái độ học tập ($\text{Beta} = 0,220$; $p < 0,001$). Như vậy, có thể hiểu rằng, trẻ có thái độ học tập càng tích cực, càng được bạn bè và thầy cô công nhận giá trị của bản thân, có sự tự đánh giá về bản thân tốt và càng tham gia thực hiện nhiều quyền của trẻ em ở trường thì các em càng cảm thấy hạnh phúc tại trường học.

Bảng 3: Mô hình dự báo của thực hiện quyền tham gia và các yếu tố cá nhân cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

| Mô hình | Biến độc lập | R ² (p) | Beta | t | p |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------|-------|-----------|
| 2a Hạnh phúc ở trường | Thực hiện quyền tham gia | 0,172 ($< 0,001$) | 0,088 | 2,52 | 0,012 |
| | Thái độ học tập | | 0,220 | 6,10 | $< 0,001$ |
| | Sự công nhận | | 0,150 | 3,65 | $< 0,001$ |
| | Sự tự đánh giá | | 0,110 | 3,05 | 0,002 |
| 2b Hạnh phúc trong cuộc sống | Thực hiện quyền tham gia | 0,265 ($< 0,001$) | 0,009 | 0,05 | 0,159 |
| | Thái độ học tập | | 0,223 | 0,18 | $< 0,001$ |
| | Sự công nhận | | 0,241 | 0,204 | $< 0,001$ |
| | Sự tự đánh giá | | 0,372 | 0,241 | $< 0,001$ |

Dữ liệu ở mô hình 2b cho thấy, khi bị kiểm soát bởi các yếu tố cá nhân và thái độ học tập, thực hiện quyền tham gia ở trường học không có ý nghĩa thống kê trong dự báo cho cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống của học sinh

($p = 0,159$) dù mô hình này giải thích 26,5% cho sự thay đổi của biến phụ thuộc ($p < 0,001$). Ở đây, tự đánh giá có thể có tác động mạnh nhất (Beta = 0,241; $p < 0,001$) đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống.

Như vậy, thực hiện quyền tham gia ở trường học khi bị kiểm soát bởi các yếu tố tâm lý cá nhân (tự đánh giá, sự công nhận) và thái độ học tập thì chỉ có thể tác động đến cảm nhận hạnh phúc ở trường nhưng không tác động đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống.

3.3.2. Dự báo của thực hiện quyền tham gia và các yếu tố thầy cô cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

Đầu tiên, mô hình gồm thực hiện quyền tham gia ở trường học và 12 biến số thể hiện cách ứng xử của thầy cô giáo được đưa vào mô hình dự báo cho biến phụ thuộc. Trong mô hình này, các biến số không có ý nghĩa thống kê trong dự báo mức độ cảm nhận hạnh phúc ở trường cũng như trong cuộc sống sẽ bị loại bỏ trong mô hình tiếp theo. Bảng 4 thể hiện các yếu tố thầy cô giáo có ý nghĩa thống kê trong mô hình cuối cùng.

Bảng 4: Mô hình dự báo của thực hiện quyền tham gia và các yếu tố thầy cô giáo cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh

| Mô hình | Biến độc lập | R ² (p) | Beta | t | p |
|--|--------------------------------------|------------------------|-------|-------|-----------|
| 3a Hạnh phúc ở trường | Thực hiện quyền tham gia | 0,221 ($< 0,001$) | 0,19 | 6,33 | $< 0,001$ |
| | Tôn trọng ý kiến học sinh | | 0,17 | 4,87 | $< 0,001$ |
| | Hướng dẫn | | 0,17 | 4,69 | $< 0,001$ |
| | Đưa sáng kiến cho học sinh thực hiện | | 0,07 | 2,25 | 0,025 |
| | Không muốn lắng nghe | | -0,10 | -2,96 | 0,003 |
| | Chi định học sinh tham gia | | -0,10 | -3,25 | 0,001 |
| | Trách mắng | | -0,08 | -2,40 | 0,016 |
| 3b Hạnh phúc trong cuộc sống | Thực hiện quyền tham gia | 0,135 ($< 0,001$) | 0,18 | 6,18 | $< 0,001$ |
| | Tôn trọng ý kiến học sinh | | 0,22 | 5,90 | $< 0,001$ |
| | Hướng dẫn | | 0,10 | 2,78 | 0,005 |

Dữ liệu mô hình 3a cho thấy, khi bị kiểm soát bởi các yếu tố thầy cô giáo, thì thực hiện quyền tham gia ở trường học có khả năng tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến cảm nhận hạnh phúc ở trường học của học sinh. Theo kết

quả ở mô hình 3a, trẻ em càng được thực hiện nhiều quyền tham gia tại trường học và được sự ủng hộ của thầy cô giáo như: được thầy cô tôn trọng ý kiến, thầy cô hướng dẫn trẻ thực hiện các sáng kiến của chúng hoặc thầy cô đưa ra sáng kiến cho học sinh thực hiện đều làm cho trẻ cảm thấy hạnh phúc ở trường học hơn. Ngược lại, các yếu tố liên quan đến cách ứng xử của thầy cô như không muốn nghe học sinh nói, thầy cô trách mắng khi trẻ có ý kiến, thầy cô chỉ định học sinh tham gia mà không thông báo trước là những yếu tố làm giảm cảm nhận hạnh phúc ở trường học của trẻ. Trong số các yếu tố này, vai trò của thực hiện quyền tham gia của trẻ là mạnh mẽ hơn cả.

Với mô hình 3b, số liệu cũng chỉ ra rằng, khi bị kiểm soát bởi các yếu tố thầy cô giáo thì thực hiện quyền tham gia ở trường có thể dự báo cho hạnh phúc trong cuộc sống. Cách ứng xử của thầy cô có thể ảnh hưởng đến hạnh phúc trong cuộc sống chỉ còn lại hai yếu tố là thầy cô tôn trọng và thầy cô hướng dẫn học sinh thực hiện sáng kiến của trẻ. Như vậy, trẻ em càng được thực hiện nhiều quyền tham gia tại trường học, được thầy cô tôn trọng ý kiến và được thầy cô hướng dẫn thực hiện các sáng kiến của trẻ đều làm cho trẻ cảm thấy hạnh phúc trong cuộc sống hơn.

Tổng hợp kết quả phân tích trên cho thấy, khi bị kiểm soát bởi các yếu tố thầy cô, thì thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc ở trường học cũng như trong cuộc sống. Trong đó, nó có vai trò vượt trội hơn các yếu tố thầy cô trong tác động đến cảm nhận hạnh phúc ở trường học và chỉ đứng sau sự tôn trọng của thầy cô trong tác động đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống.

3.3.3. Dự báo của thực hiện quyền tham gia và các yếu tố bạn bè cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

Bảng 5: Mô hình dự báo của thực hiện quyền tham gia và các yếu tố bạn bè cho cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

| Mô hình | Biến độc lập | R ² (p) | Beta | t | p |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------|-------|--------|---------|
| 4a Hạnh phúc ở trường | Thực hiện quyền tham gia | 0,183 (< 0,001) | 0,166 | 5,329 | < 0,001 |
| | Ủng hộ của bạn bè | | 0,362 | 11,622 | < 0,001 |
| 4b Hạnh phúc trong cuộc sống | Thực hiện quyền tham gia | 0,263 (< 0,001) | 0,141 | 4,759 | < 0,001 |
| | Ủng hộ của bạn bè | | 0,465 | 15,715 | < 0,001 |

Tương tự như xây dựng các mô hình ở trên, trước tiên, mô hình gồm bảy biến số bạn bè (sự ủng hộ, lắng nghe, quan tâm, khích lệ, trách mắng, lơ đi,

xin lỗi) được hình thành cùng với thực hiện quyền tham gia ở trường học. Sau khi loại bỏ các biến số bạn bè không có ý nghĩa thống kê trong mô hình trên thì hai mô hình cuối cùng được hiển thị ở bảng 5. Trong cả hai mô hình này chỉ còn yếu tố sự ủng hộ của bạn bè còn lại trong số các biến được xem xét.

Mô hình 4a và 4b cho thấy, thực hiện quyền tham gia ở trường sau khi kiểm soát yếu tố bạn bè đều có ý nghĩa thống kê trong dự báo mức độ cảm nhận hạnh phúc ở trường và trong cuộc sống ($p < 0,001$). Tuy nhiên, so với sự ủng hộ của bạn bè thì vai trò của nó đều yếu hơn ở cả hai mô hình với hệ số Beta nhỏ hơn.

Như vậy, tổng hợp kết quả ở mô hình cho thấy, khi bị kiểm soát bởi yếu tố bạn bè (cụ thể là sự ủng hộ của bạn bè), thì thực hiện quyền tham gia ở trường học đều có thể khiến trẻ hạnh phúc hơn ở trường học cũng như trong cuộc sống nói chung. So với sự ủng hộ của bạn bè thì thực hiện quyền tham gia tại trường học có vai trò tác động yếu hơn đối với cả cảm nhận hạnh phúc ở trường và cả hạnh phúc trong cuộc sống.

3.3.4. Dự báo của thực hiện quyền tham gia và tổng hợp các yếu tố tác động đến cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

Mô hình 5a xem xét dự báo của thực hiện quyền tham gia đến cảm nhận hạnh phúc ở trường khi bị kiểm soát bởi các yếu tố trường học dường như là có ý nghĩa nhất đối với cảm nhận hạnh phúc của trẻ đã được kiểm định ở trên qua các mô hình hồi quy. Dữ liệu cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê trong dự báo cho biến phụ thuộc với $R^2 = 0,329$ ($p < 0,001$). Trong mô hình này, thực hiện quyền tham gia có khả năng ảnh hưởng tích cực đến hạnh phúc ở trường của học sinh ($p = 0,021$), nhưng biên độ tác động của nó là yếu nhất (Beta = 0,07) so với các yếu tố khác trong mô hình, trong khi đó, yếu tố có khả năng tác động mạnh nhất là ủng hộ của bạn bè (Beta = 0,247). Có thể hiểu, ở trường học, trẻ em càng được thực hiện nhiều quyền tham gia, nhận được nhiều sự ủng hộ của bạn bè, có thái độ học tập tích cực, tự tin vào giá trị của bản thân, được trải nghiệm cách ứng xử tích cực (tôn trọng, hướng dẫn) và không phải chịu cách ứng xử tiêu cực (trách mắng, không muốn lắng nghe, chỉ định) từ thầy cô thì chúng càng cảm thấy hạnh phúc hơn.

Xem xét mô hình 5b gồm sáu biến độc lập, dữ liệu cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê với $R^2 = 0,382$ ($p < 0,001$). Trong mô hình này, khi bị kiểm soát bởi các biến số: sự ủng hộ của bạn bè, thái độ học tập, sự công nhận của thầy cô, bạn bè, tự tin vào giá trị của bản thân và thầy cô tôn trọng thì thực hiện quyền tham gia của trẻ em không có ý nghĩa thống kê trong dự báo cho cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống. Ở đây, yếu tố có vai trò mạnh nhất đối với cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống của trẻ vẫn là sự ủng hộ của bạn bè (Beta = 0,329).

Bảng 6: Mô hình tổng hợp dự báo các yếu tố tác động đến cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở

| Mô hình | Biến độc lập | R ² (p) | Beta | t | p |
|---------------------------------|---------------------------|--------------------|--------|--------|---------|
| 5a Hạnh phúc ở trường | Thực hiện quyền tham gia | 0,329 (< 0,001) | 0,070 | 2,306 | 0,021 |
| | Ứng hộ bạn bè | | 0,247 | 8,035 | < 0,001 |
| | Thầy cô không muốn nghe | | -0,089 | -2,706 | 0,007 |
| | Thầy cô trách mắng | | -0,073 | -2,219 | 0,027 |
| | Thầy cô tôn trọng | | 0,131 | 3,921 | < 0,001 |
| | Thầy cô hướng dẫn | | 0,139 | 4,212 | < 0,001 |
| | Thầy cô chỉ định tham gia | | -0,079 | -2,813 | 0,005 |
| | Thái độ học tập | | 0,171 | 5,362 | < 0,001 |
| | Sự tự đánh giá | | 0,090 | 2,948 | 0,003 |
| 5b Hạnh phúc trong cuộc sống | Thực hiện quyền tham gia | 0,382 (< 0,001) | 0,022 | 0,718 | 0,473 |
| | Ứng hộ bạn bè | | 0,329 | 11,120 | < 0,001 |
| | Thầy cô tôn trọng | | 0,145 | 5,237 | < 0,001 |
| | Thái độ học tập | | 0,124 | 4,012 | < 0,001 |
| | Sự công nhận | | 0,114 | 3,264 | 0,001 |
| | Sự tự đánh giá | | 0,195 | 6,249 | < 0,001 |

Như vậy, dữ liệu phân tích ở trên chỉ ra rằng, nhìn tổng thể, khi bị kiểm soát bởi các yếu tố cá nhân, thầy cô, bạn bè và học tập thì thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể làm cho trẻ hạnh phúc hơn khi đến trường nhưng không làm cho trẻ hạnh phúc hơn trong cuộc sống.

4. Bàn luận và kết luận

Bài viết đã phân tích vai trò của thực hiện quyền tham gia của học sinh trung học cơ sở ở trường học đối với cảm nhận hạnh phúc của trẻ ở hai phạm vi hẹp và rộng là hạnh phúc ở trường và hạnh phúc trong cuộc sống.

Kết quả cho thấy, nhìn chung, thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể khiến trẻ hạnh phúc hơn không chỉ ở trường và cả trong cuộc sống. Như thế, dù trẻ em được tham gia các hoạt động trong nhà trường, nhưng nó cũng có khả năng lan tỏa, khiến trẻ cũng hạnh phúc trong cuộc sống. Điều này cho thấy tầm quan trọng của thực hiện quyền tham gia của trẻ em trong trường học, một thiết chế xã hội được cho là rất thích hợp để hiện thực hóa quyền trẻ em,

để trẻ em được cất lên tiếng nói mình trong những lĩnh vực liên quan đến chính trẻ. Việc trẻ được thực hiện quyền tham gia không chỉ đảm bảo Công ước quốc tế về quyền trẻ em ở Việt Nam, mà còn tạo ra trạng thái cảm xúc tích cực cho trẻ ở trường cũng như cuộc sống ngoài xã hội. Tuy nhiên, với dữ liệu từ học sinh trung học cơ sở ở Hà Nội, biên độ tác động đến cảm nhận hạnh phúc của thực hiện quyền tham gia ở trường còn nhỏ.

Vai trò của thực hiện quyền tham gia ở trường học đối với cảm nhận hạnh phúc ở trường còn được xác nhận ngay cả khi đã tính đến nhiều biến số trường học. Trong nghiên cứu này, các biến số trường học được kiểm soát gồm các nhóm yếu tố về cá nhân (2 yếu tố), học tập (1 yếu tố), bạn bè (7 yếu tố), thầy cô (12 yếu tố). Kết quả kiểm định các mô hình hồi quy xem xét tác động của thực hiện quyền tham gia ở trường học khi bị kiểm soát bởi từng nhóm yếu tố và cũng như tổng hợp các yếu tố có ý nghĩa nhất đã được xác định đối với cảm nhận hạnh phúc ở trường đều cho thấy, việc thực hiện quyền tham gia ở trường học của học sinh trung học cơ sở đều có thể khiến trẻ hạnh phúc hơn khi đến trường. Tuy nhiên, vai trò “tiếng nói” của trẻ trong trường học đối với cảm nhận hạnh phúc ở trường trong mỗi mô hình là khác nhau. Nó có tác động yếu hơn đến cảm nhận hạnh phúc ở trường so với các yếu tố cá nhân, yếu tố học tập, yếu tố bạn bè, nhưng lại mạnh hơn so với yếu tố thầy cô giáo. Có thể thấy, thứ hạng khiêm tốn về vai trò của yếu tố này so với các yếu tố khác đối với cảm nhận hạnh phúc của trẻ. Điều này thấy rõ hơn trong kết quả kiểm định mô hình tổng hợp, nó có khả năng tác động yếu nhất so với các yếu tố trường học được xem xét.

Như vậy, nghiên cứu đã chỉ ra những bằng chứng khá rõ ràng về khả năng tác động tích cực của việc tham gia ở trường học đối với hạnh phúc khi đến trường của học sinh trung học cơ sở trong nhiều bối cảnh khác nhau trong đời sống học đường. Dù rằng, tác động của nó không phải là mạnh mẽ, thậm chí yếu nhất so với các yếu tố khác trong bối cảnh hiện nay, khi mà trường học, giáo dục học đường đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình đổi mới, nhưng cũng rất đáng giá. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa khi các trường học ở Việt Nam đều quan tâm xây dựng trường học hạnh phúc. Việc tìm thấy sự kết nối giữa thực hiện quyền tham gia ở trường học với cảm nhận hạnh phúc ở trường của học sinh có lẽ là nghiên cứu đầu tiên đề cập đến vấn đề này ở các ấn phẩm khoa học Việt Nam. Chủ đề này trên thế giới cũng chưa được phổ biến, mà theo như John-Akinola và cộng sự (2014) nhận định thì trước đó chỉ có De Róiste và cộng sự (2012) đề cập đến. Các tìm kiếm tài liệu hiện thời trên các cổng thông tin điện tử như Google scholar, Researchgate, PubMed của chúng tôi cũng cho kết quả rất hạn chế. Kết quả này chỉ ra thêm một con đường để trẻ hạnh phúc hơn khi tới trường, đó là tạo điều kiện

đẻ trẻ được tham gia nhiều hơn, được có tiếng nói nhiều hơn về cuộc sống ở trường của chúng.

Chúng ta đều biết rằng hạnh phúc là khái niệm trừu tượng, là thứ được cảm thấy chứ không cầm được trên tay. Việc xem xét cảm nhận hạnh phúc trong phạm vi rộng (hạnh phúc trong cuộc sống) và trong phạm vi hẹp (hạnh phúc ở trường) cũng không dễ dàng phân định vì cảm xúc có khả năng lan tỏa. Xem xét tác động của thực hiện quyền tham gia đến cảm nhận hạnh phúc trong hai phạm vi này được đặt ra chính là để xác định tính lan tỏa của những gì diễn ra ở trường tới cuộc sống của trẻ. Ở trên đã chỉ ra bằng chứng về khả năng tác động của thực hiện quyền tham gia ở trường đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống. Câu hỏi đặt ra ở đây là, việc góp “tiếng nói” ở trường có khả năng ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống hay không trong bối cảnh các biến số trường học được kiểm soát?

Trước hết có thể thấy rằng, thực hiện quyền tham gia ở trường có khả năng tác động đến cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống trong mô hình bị kiểm soát bởi yếu tố bạn bè và yếu tố thầy cô, nhưng nó không có vai trò đáng kể trong mô hình có các yếu tố cá nhân - học tập và trong mô hình tổng hợp. Như thế, tác động của nó đến cảm nhận hạnh phúc ở trường là rõ ràng hơn so với tác động đến hạnh phúc trong cuộc sống. Ở đây, vai trò của nó đối với hạnh phúc cuộc sống là có nhưng không ổn định. Nó bị mất đi khả năng tác động khi có mặt các yếu tố cá nhân (cảm giác được công nhận ở trường, tự tin về giá trị bản thân) và thái độ học tập trong mô hình 2b cũng như khi bị kiểm soát bởi tổng hợp các yếu tố trong mô hình 5b. Có thể hiểu rằng, sự tham gia ở trường học của trẻ có thể khiến cho trẻ hạnh phúc hơn trong cuộc sống nhưng không hoàn toàn ổn định trong mọi bối cảnh. Trong một chừng mực nào đó, trường học không hề độc lập với cuộc sống của trẻ, sự kết nối giữa mọi thứ diễn ra ở trường học với cuộc sống cho thấy tầm quan trọng của trường học không phải chỉ ở thu nhận kiến thức mà còn ở cơ hội tham gia của trẻ ở trường, cảm xúc ở trường và rất nhiều thứ khác. Sự lan tỏa của những gì ở trường học đến cuộc sống nói chung của trẻ, có thể có ảnh hưởng đến đời sống tâm lý của trẻ trong hiện tại và có thể cả trong tương lai là rất đáng lưu ý để các nhà quản lý, các thầy cô giáo và những người quan tâm đến đời sống học đường tạo dựng một môi trường học đường tích cực vì lợi ích của trẻ em.

Bên cạnh những kết quả về vai trò tích cực của thực hiện quyền tham gia ở trường đến cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học cơ sở là rất có ý nghĩa thực tiễn trong công tác giáo dục học sinh ở trường học, trong thúc đẩy sự tham gia vào đời sống học đường của học sinh, tạo điều kiện để học sinh góp “tiếng nói” của mình trong trường học thì nghiên cứu này cũng có những hạn chế nhất định. Ở đây, nghiên cứu chỉ tập trung vào số lượng các hoạt động

thực hiện quyền tham gia ở trường học chứ không phải chất lượng của việc thực hiện quyền này. Tuy nhiên, các kết quả cũng cho thấy những bằng chứng quan trọng của mối quan hệ giữa số lượng hành vi thực hiện quyền tham gia ở trường với cảm nhận hạnh phúc của trẻ. Kết quả cho thấy, khi chưa chú trọng được vào chất lượng của hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em ở trường THCS thì việc thúc đẩy số lượng các hành vi này cũng có ý nghĩa đối với cảm nhận hạnh phúc của trẻ em, nhất là cảm nhận hạnh phúc ở trường học. Ngoài ra, mẫu nghiên cứu chỉ giới hạn trong phạm vi học sinh trung học cơ sở ở Hà Nội. Việc mở rộng mẫu nghiên cứu sang học sinh tiểu học và học sinh trung học phổ thông và ở nhiều địa bàn khác nhau sẽ giúp khái quát hóa kết quả trên học sinh phổ thông nói chung và việc thúc đẩy thực hiện quyền tham gia của trẻ ở trường càng có ý nghĩa hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu đã chỉ ra một số bằng chứng cho thấy mối quan hệ của thực hiện quyền tham gia ở trường học có thể rõ ràng hơn với cảm nhận hạnh phúc ở trường học hơn là cảm nhận hạnh phúc trong cuộc sống, nhưng vẫn cần các nghiên cứu sâu hơn để tìm hiểu vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Báo cáo khảo sát về Đánh giá việc thực hiện quyền tham gia của trẻ em tại 5 tỉnh, thành phố năm 2015*.
2. Trương Thị Khánh Hà, Nguyễn Văn Lược, Trần Hà Thu (2017). *Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em: Một số khía cạnh liên quan đến gia đình và trường học*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất “Hạnh phúc con người và Phát triển bền vững”. ISBN 978-604-62-9911-0. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Quyền 1. Tr. 65 - 73.
3. Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thùy Anh (2017). *Cảm nhận hạnh phúc của học sinh (nghiên cứu trường hợp học sinh trường THCS Vĩnh Bảo, Hải Phòng*. Tạp chí Tâm lý học. Số 6. Tr. 57 - 68.
4. Phan Thị Mai Hương, Đặng Thị Thu Trang, Nguyễn Minh Trang (2018). *Ảnh hưởng của các yếu tố trường học đến hạnh phúc ở trường của học sinh*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Vai trò của tâm lý học trường học trong việc đảm bảo sức khỏe tâm lý cho học sinh và gia đình. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. Tr. 647 - 655.
5. Quốc hội (2016). *Luật Trẻ em*. Luật số 102/2016/QH13. NXB Lao động. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

6. Children’s Rights Alliance for England (2009). *State of children’s rights in England*. Truy cập ngày 20/4/2021 tại <http://www.crae.org.uk/media/26422/SOCR-2009-one-document.pdf>.
7. De Róiste A., Kelly C., Molcho M., Gavin A. and Gabhainn S.N. (2012). *Is school participation good for children? Associations with health and wellbeing*. Health Education. Vol. 2. P. 88 - 104.

8. Diener (ed., 1984). *Subjective well-being*. Psychological Bulletin. Vol. 95 (3). P. 542 - 575.
9. Diener E., Wirtz D., Tov W., Kim-Prieto C., Choi D.W., Oishi S. and Biswas-Diener R. (2010). *New well-being measures: Short scales to assess flourishing and positive and negative feelings*. Social Indicators Research. Vol. 97 (2). P. 143 - 156.
10. Fielding M. (2001). *Beyond the rhetoric of student voice: new departures or constraints in the transformation of 21st century schooling?* Forum (43). P. 100 - 109.
11. Flutter J. (2007). *Teacher development and pupil voice*. The Curriculum Journal. Vol. 3. P. 343 - 354.
12. Giannoulis C. (2018). *Rescaling sets of variables to be on the same scale*. Truy cập ngày 25/4/2021 tại <https://www.theanalysisfactor.com/rescaling-variables-to-be-same/>.
13. Hannam D. (2001). *A pilot study to evaluate the impact of the student participation aspect of the citizenship order on standart of education in school*. Truy cập ngày 25/4/2021 tại <https://alternativestoschool.com/pdfs/The%20Hannam%20Report.pdf>.
14. Hart R.A. (2008). *Stepping back from "The ladder": Reflections on a model of participatory work with children*. In Reid A., Jensen B.B., Nikel J., Simovska V. (eds). *Participation and learning - Perspectives on education and the environment*. Health and Sustainability. P. 19 - 31. Springer.
15. Huebner E.S. (1994). *Preliminary development and validation of a multidimensional life satisfaction scale for children*. Psychological Assessment. Vol. 6. P. 149 - 158.
16. John-Akinola Y.O. and Nic-Gabhainn S. (2014). *Children's participation in school: A cross-sectional study of the relationship between school environments, participation and health and well-being outcomes*. BMC Public Health. Vol. 14 (1). P. 1 - 10.
17. Jourdan D., Christensen J.H., Darlington E., Bonde A.H., Bloch P., Jensen B.B., and Bentsen P. (2016). *The involvement of young people in school-and community-based noncommunicable disease prevention interventions: A scoping review of designs and outcomes*. BMC Public Health. Vol. 16 (1). P. 1 - 14.
18. Levin B. (2000). *Putting students at the centre in education reform*. Journal of Educational Change. Vol. 1. P. 155 - 172.
19. Mitra D.L. (2004). *The significance of students: can increasing 'student voice' in schools lead to gains in youth development?*. Teachers College Record. Vol. 4. P. 651 - 688.
20. Rosenberg M. (1965). *Society and the adolescent self-image*. Princeton NJ: Princeton University Press. Truy cập ngày 20/4/2021 tại <https://www.docdroid.net/Vt9xpBg/society-and-the-adolescent-self-image-morris-rosenberg-1965.pdf>.
21. Samdal O., Nutbeam D., Wold B. and Kannas L. (1998). *Achieving health and educational goals through schools - a study of the importance of the school climate and the students' satisfaction with school*. Health Education Research. Vol. 13 (3). P. 383 - 397.